

Bản án số: 326/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 12 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Anh

Ông Hồ Thanh Phong

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 489/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Châu Văn N, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2024 trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trịnh Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Bà L với ông Châu Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, ông bà không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây bà với ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên cự cãi nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Ngoài ra, bà phát hiện ông N có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, nhiều lần bà khuyên ngăn nhưng ông N không thay đổi. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà với ông Châu Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Châu Hồng H, sinh ngày 15/5/2007, hiện đang ở cùng bà. Khi ly

hôn bà yêu cầu nuôi trẻ H; không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác nhận không có.

- *Đối với bị đơn ông Châu Văn N*: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông N theo quy định pháp luật, nhưng ông N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà L có đơn xin vắng mặt; ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông N xác định chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Do bà L và ông N không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét bà L yêu cầu không công nhận bà với ông Châu Văn N là vợ chồng thấy rằng, bà L với ông N chung sống với nhau trong thời gian dài, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng ông bà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận bà L với ông N là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Châu Hồng H, sinh ngày 15/5/2007. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “...*nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...*”. Viện dẫn theo điều luật trên thấy rằng, tại văn bản trình bày nguyện vọng của trẻ Hoa ngày 26/11/2024, trẻ H có nguyện vọng ở với bà L, nên giao trẻ Châu Hồng H cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con bà L không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Ông Châu Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà L xác định không có.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định: “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, bà L phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị L.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trịnh Thị L với ông Châu Văn N là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao trẻ Châu Hồng H, sinh ngày 15/5/2007 cho bà Trịnh Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Châu Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thị L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001999 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà L đã nộp đủ án phí về hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam

